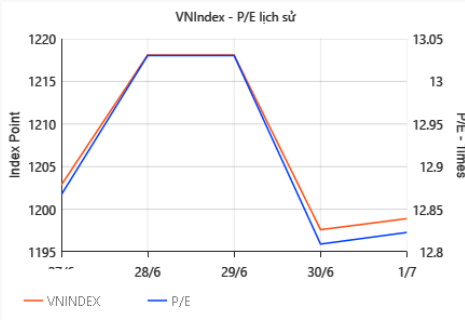


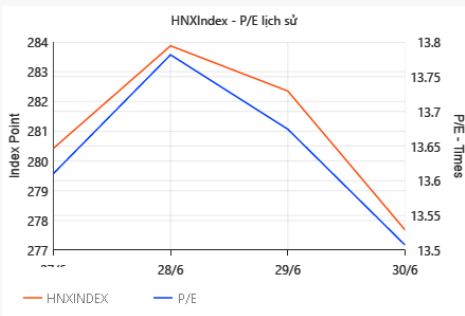


VN-INDEX



Điểm số	1,198.90
Tuần qua (WoW)	1.13%
Từ đầu năm (YTD)	-19.98%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-2.75%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-5.71%
P/E	12.82
P/B	2.05

HNX -INDEX



Điểm số	278.88
Tuần qua (WoW)	1.07%
Từ đầu năm (YTD)	-41.16%
Khối lượng khớp lệnh trung bình 1 phiên	-32.48%
Giá trị khớp lệnh trung bình 1 phiên	-30.55%
P/E	13.56
P/B	1.58

GDP QUÝ 2 TĂNG 7.72%YOY, LẠM PHÁT 2.44% YOY

NHẬN ĐỊNH CHIẾN LƯỢC

Báo cáo vĩ mô đang cho thấy sức phục hồi tốt của nền kinh tế Việt Nam nhưng lạm phát theo đó cũng dần nóng lên. Trong khi tăng trưởng quý 3 chắc chắn sẽ tiếp tục tăng tốc do nền rất thấp của cùng kỳ năm trước thì dự báo là kém chắc chắn hơn đối với lạm phát khi giá cả hàng hóa thế giới đã cho thấy một số dấu hiệu hạ nhiệt nhưng nhóm lương thực, thực phẩm trong nước cũng đã bắt đầu tăng tốc. Hướng điều hành chính sách tiền tệ gồm lãi suất và room tăng trưởng tín dụng của Ngân hàng nhà nước sẽ là một trong những yếu tố mang tính quyết định tới diễn biến trung hạn trong 6 tháng cuối năm.

Các thị trường quốc tế trong đó phần lớn đều điều chỉnh trong những ngày cuối tháng 6 để khép lại giai đoạn nửa đầu năm (1H) 2022 tiêu cực. Chỉ số S&P500 của Mỹ có 6 tháng đầu năm giảm mạnh nhất kể từ những năm 70 với mức giảm 20.6%. Số liệu kinh tế quý 2 của Mỹ sắp ra trong vài ngày tới sẽ có thể xác nhận suy thoái tại nền kinh tế số một thế giới, và tác động chắc chắn sẽ lan tỏa ra kinh tế thế giới.

Tuy vậy, kể cả trong dài hạn nếu suy thoái lan rộng và làm chậm lại tốc độ tăng trưởng của Việt Nam thì ngắn đến trung hạn chúng ta vẫn có cơ sở để tin vào sự phân hóa do sức khỏe nội tại của nền kinh tế (tiêu dùng nội địa) lẫn dư địa hỗ trợ (nhất là chính sách tài khóa).

CHIẾN THUẬT GIAO DỊCH

Thị trường đã quay lại vùng đáy lần thứ 3 trong tuần vừa qua và tiếp tục bật lên. Khả năng tạo đáy tiếp tục được củng cố và chiến lược giao dịch qua đó tiếp tục được duy trì: nếu sẵn sàng và có thể chấp nhận rủi ro với hoạt động giao dịch ngắn hạn, đây là lúc thích hợp để giải ngân. Với hoạt động tích lũy mang tính trung dài hạn, vùng điểm này cũng là hấp dẫn.

Nội dung	Tr.	Nội dung	Tr.
Danh mục Khuyến nghị	2	News focus	6
Nhận định chiến lược	3	Factset	6
PTKT VN-Index	5	Lịch đầu tư tuần tới	14



DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ GUOTAI JUNAN VIỆT NAM

Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Kỳ đầu tư: 6-18 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN	Giá khi khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá mục tiêu	Upside kỳ vọng	Upside còn lại	Vượt mục tiêu	Tổng biến động
BID	24/02/22	1	44,600	Mua	55,000	17.0%	56.9%		-21.4%
TCB	27/01/22	1	52,400	Mua	64,500	23.1%	79.2%		-31.3%
MWG*	06/08/21	3	56,500	Nắm giữ	60,650	7.3%		15.9%	195.1%
CTG	04/08/21	1	33,200	Mua	38,400	15.7%	42.5%		-18.8%
TDM	30/07/21	1	30,050	Mua	40,000	33.1%		1.8%	35.4%
HAH*	03/08/21	3	34,300	Nắm giữ	42,100	22.7%		69.4%	337.4%
OCB*	02/08/21	2	24,300	Mua	27,700	14.0%	62.5%		-17.7%
VHM*	31/05/21	2	75,820	Nắm giữ	75,550	0%	23.0%		9.4%
SZC*	23/04/21	1	35,750	Nắm giữ	41,000	14.7%		10.4%	26.6%
DHC*	30/10/20	1	35,440	Giảm tỷ trọng	39,760	17.1%		68.5%	89.1%
ACB*	05/02/21	2	22,830	Nắm giữ	29,110	27.5%	21.0%		33.6%
VPB*	05/02/21	2	22,820	Nắm giữ	24,670	8.1%		18.0%	107.0%
MBB	11/06/21	3	29,185	Tăng tỷ trọng	32,593	11.7%	34.7%		91.2%
VIB*	05/02/21	1	25,297	Nắm giữ	32,157	27.1%	41.3%		-10.1%
TPB*	05/02/21	1	19,778	Nắm giữ	25,556	29.2%		6.8%	38.0%
PNJ*	31/07/20	2	80,300	Nắm giữ	85,400	6.3%		50.1%	154.4%
SBT*	02/08/20	2	20,550	Nắm giữ	24,000	16.8%	27.1%		-4.3%
QNS*	08/02/21	1	37,200	Mua	54,000	45.2%	21.3%		19.6%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Kỳ đầu tư: 3-6 tháng

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ	Risk/ Reward Ratio	Lãi/Lỗ hiện tại
BMC	11/10/21	25,200 - 27,200	45,200	21,100	1:3	-52.6%
TNG	24/08/21	22,833 - 24,120	31,833	21,481	1:3	27.3%
SLS	18/08/21	131,000 - 147,000	212,000	125,000	1:3	-13.3%
BWE	16/07/21	35,000 - 36,000	45,000	32,900	1:3	41.9%
LAS*	21/06/21	13,000 - 14,000	19,000	11,800	1:2.3	-8.6%
ABI*	17/06/21	45,614 - 49,123	65,789	42,982	1:2.7	-4.3%
VND*	09/06/21	14,600 - 15,600	21,000	13,500	1:2.5	19.2%
DPG*	31/05/21	26,500 - 27,929	42,571	24,000	1:4	62.2%
GVR	28/05/21	26,300 - 29,500	48,400	23,900	1:3.5	-23.4%
BID	28/05/21	36,400 - 38,400	51,600	33,600	1:3	-8.7%
SSI*	20/05/21	21,000 - 22,300	27,850	19,700	1:2	-11.7%
SGR	12/05/21	25,500 - 28,500	44,000	24,000	1:3.5	-35.9%
BSR*	11/05/21	14,900 - 16,100	22,000	13,600	1:2.3	70.8%
SMC*	11/05/21	29,000 - 31,250	41,670	25,850	1:2	-42.4%
BCG*	12/04/21	13,200 - 13,600	17,533	12,333	1:3	2.9%
GMD*	07/04/21	33,800 - 35,000	53,800	32,700	1:5	46.9%
STB*	30/03/21	19,500 - 21,000	28,500	18,300	1:3	4.8%
TTF*	29/03/21	6,900 - 7,500	13,000	6,200	1:4	-2.9%
VIC*	26/03/21	96,900-101,300	128,900	95,100	1:4.5	-28.3%
VCB	18/03/21	74,530 - 76,250	97,000	72,700	1:6	-3.0%
GEG*	08/03/21	15,610 - 16,650	24,245	14,580	1:4	35.1%
FCN*	08/03/21	13,700 - 14,700	21,700	13,100	1:4.5	-13.6%
PVD*	05/03/21	23,500 - 25,500	40,000	21,900	1:4	-20.9%
TIG*	05/03/21	7,545 - 8,455	13,636	7,273	1:4.5	47.8%
GAS*	17/02/21	80,000 - 83,500	117,000	73,700	1:3.5	35.3%
CNG*	17/02/21	19,900 - 21,000	29,500	18,600	1:3.5	73.8%
CCL*	17/02/21	10,000 - 11,000	18,000	8,700	1:3	-10.4%
SAM*	17/02/21	10,730 - 11,590	21,555	9,770	1:5	-5.1%
LAF*	27/01/21	12,800 - 14,500	21,500	11,800	1:2.5	37.9%
VSH*	25/01/21	18,000 - 19,700	30,000	16,900	1:3.5	123.4%
MSR*	21/12/20	19,000 - 21,000	31,000	17,800	1:3	-13.3%
SFI*	09/12/20	29,200 - 31,000	46,500	27,700	1:5	89.0%
PGV*	23/11/20	13,810 - 14,762	23,810	12,571	1:4	75.5%
CKG*	19/11/20	8,230 - 8,650	11,300	7,890	1:3.5	51.4%
DRI*	20/10/20	4,430 - 4,930	9,930	3,630	1:4	143.4%



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có một tuần tăng điểm nhẹ khi VN-Index và HNX-Index tăng lần lượt 1.13% và 1.07%. Mặc dù vậy thì thực tế thị trường đã có sự giảm điểm mạnh trong ngày chốt NAV quý 2 cũng như trong đầu ngày thứ 6 trước khi hồi phục trở lại. Dòng tiền ngày càng thận trọng hơn khi thanh khoản không được cải thiện trên HSX và tiếp tục giảm sâu trên HNX.

Midcap và VN30 dẫn dắt đà tăng trong các chỉ số chứng khoán trên thị trường với mức tăng lần lượt là 1.4% và 1.35%.

Độ rộng thị trường đã có sự cải thiện và nghiêng về phía tích cực với 368 mã tăng/ 277 mã giảm trong tuần qua. 2/3 nhóm ngành đều tăng điểm trong tuần với sự trở lại dẫn dắt của Ngân hàng và Chứng khoán, 2 nhóm trụ vận động yếu trong giai đoạn vừa qua. Sự luân chuyển của dòng tiền tiếp tục thể hiện khi các nhóm ngành dẫn dắt trong các tuần trước cho thấy sự điều chỉnh, bao gồm Hóa chất, Bán lẻ và Bảo hiểm.

4/5 mã dẫn chỉ số nhiều nhất trong tuần là các mã ngân hàng gồm BID, CTG, VPB và VIB. Bộ đôi Vingroup VIC, VHM là 2 mã kéo lấy điểm nhiều nhất của thị trường, đi cùng có VCB và các cổ phiếu hóa chất DGC, DCM.

Vị thế giữa các nhóm nhà đầu tư trên thị trường cũng có sự thay đổi trong tuần qua khi Cá nhân trong nước và cá nhân nước ngoài đều đảo chiều sang mua ròng với giá trị lớn. Trong khi các tổ chức nước ngoài chỉ giảm quy mô mua ròng thì tổ chức trong nước là nhóm bán ròng trong tuần.

Trên bình diện quốc tế, 2 chỉ số của Hongkong và Trung Quốc là Hangseng và CSI300 là 2 chỉ số tăng mạnh nhất tuần qua. Ở chiều ngược lại, chỉ số Taiex của Đài Loan lại nằm trong nhóm điều chỉnh sâu nhất, theo sau là Nasdaq của Mỹ, JCI của Indonesia, và Koshi của Hàn Quốc.

Lợi suất Trái phiếu 10 năm của Mỹ tăng thêm 22 điểm cơ bản, cùng với đó là đà hồi phục khoảng 2.1% của dầu khí.

VN-INDEX



(Đồ thị tuần của VNIndex)



(Đồ thị ngày của VNIndex)

Nhận định

VNINDEX có tuần tăng 1.1%, mở cửa tuần cao hơn tham chiếu và cao hơn mức thấp nhất tuần, đóng cửa tuần cao hơn mở cửa và thấp hơn mức cao nhất tuần, khối lượng giao dịch cả tuần thấp hơn tuần liền trước và thấp hơn trung bình.

Thị trường có sự khởi đầu tốt trong hai ngày đầu tuần. Tuy nhiên, đến ngày thứ tư thì tương quan cung cầu có dấu hiệu chuyển dịch dần về phía cung khi lực mua suy yếu dần. Đến thứ năm thì áp lực bán đã áp đảo và khiến VNIndex giảm điểm cũng như đóng cửa ở mức thấp nhất ngày, dù vậy thì khối lượng giao dịch không quá lớn cũng cho thấy về mặt tuyệt đối, lực bán thật ra không quá lớn, chỉ là lực mua trở nên thiếu vắng khiến thị trường không có sự hỗ trợ. Và thực tế là lực mua hỗ trợ đã trở lại trong ngày thứ sáu cuối tuần ở vùng điểm thấp để giúp VNIndex bật lên trong buổi chiều, đóng cửa tăng nhẹ sau khi suy yếu rõ rệt trong buổi sáng.

Như vậy là sau 3 tuần giảm điểm thì VNIndex đã có tuần tăng điểm trở lại, vùng điểm 1,180 – 1,200 tiếp tục được giữ vững và các đáy tạo sau đang cao hơn các đáy tạo trước. Khả năng tạo đáy trung hạn tiếp tục được củng cố.

Vai trò	Vùng điểm của VNIndex
Hỗ trợ	1,180 – 1,200
Kháng cự	1,400



THỐNG KÊ CÁC KHUYẾN NGHỊ ĐÃ ĐÓNG

1. Danh mục Giao dịch (Trading portfolio)

Các trạng thái đã chốt lời một phần của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Giá đóng cửa tại ngày chốt	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	70,800	416.8%	76,500	458.4%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	97,000	265.7%	104,500	294.0%

Các trạng thái đã chốt lời của Danh mục

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
CEO*	06/04/21	13,000 – 13,700	19,000	11,900	1:3	508.0%	100,000	629.9%
DIG*	08/04/21	25,667 – 26,522	40,211	23,186	1:4	322.3%	125,200	372.1%
IDC*	28/05/21	36,000 – 38,500	56,000	33,000	1:3	55.1%	59,700	55.1%
SGP*	01/12/20	10,500 – 11,000	18,500	9,500	1:5	281.8%	42,000	281.8%
SMC*	30/10/20	11,200 – 12,000	16,000	11,000	1:4	33.3%	25,500	112.5%
G36*	05/11/20	9,160 – 9,830	13,300	8,770	1:3	35.3%	14,700	49.5%
LSS*	17/11/20	7,100 – 7,500	12,000	6,400	1:4	60.0%	12,100	61.3%
POS*	18/11/20	11,500 – 12,000	19,000	9,950	1:2.5	50.8%	20,500	62.7%
SAC*	01/12/20	8,800 – 9,500	14,700	8,300	1:4	54.7%	16,400	72.6%

Các trạng thái đã chốt lời sớm/cắt sớm

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Lợi nhuận	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
LDG	22/10/20	6,600 – 6,800	10,300	6,100	1:5	23.1%	8,370	23.1%
HAG	13/11/20	4,500 – 4,700	8,000	4,250	1:7	0.0%	6,450	37.2%
PXS	17/11/20	6,000 – 6,400	11,000	5,300	1:4	0.0%	9,000	40.6%

Các trạng thái đã cắt lỗ

Mã cổ phiếu	Ngày khuyến nghị	Vùng giá mua	Giá mục tiêu	Cắt lỗ ở dưới	Risk: Reward Ratio	Mức lỗ	Giá cao nhất từng đạt	Lợi nhuận cao nhất từng đạt
VSH	09/11/20	20,500 – 21,000	30,000	18,900	1:4	-10.0%	19,281	-8.2%
MFS	30/12/20	27,300 – 29,000	39,000	26,300	1:4	-9.3%	33,900	16.9%
BWE	30/12/20	30,800 – 33,300	42,800	29,300	1:2.3	-12.0%	33,765	1.4%
CMX	31/12/20	17,000 – 18,500	25,000	16,200	1:3	-12.4%	20,000	8.1%

2. Danh mục Nắm giữ (Holding portfolio)

Các mã được điều chỉnh giá mục tiêu

Mã cổ phiếu	Ngày ra khuyến nghị	Lần KN / Tổng	Giá khi khuyến nghị	Giá mục tiêu cũ	Upside ban đầu	Tổng mức biến động	Ngày đóng khuyến nghị	Giá mục tiêu mới	Điều chỉnh giá mục tiêu
MWG*	08/02/21	2/3	128,500	154,500	20.2%	133.4%	06/08/21	184,000	+19.1%
VHM*	16/11/20	1/2	76,600	88,315	15.3%	33.9%	31/5/21	102,300	+15.8%
HAH*	31/05/21	2/3	28,200	35,100	24.5%	105.5%	03/08/21	60,000	+70.9%
OCB*	20/05/21	1/2	20,720	24,800	19.7%	17.3%	02/08/21	27,700	+11.7%
HAH	02/04/21	1 / 2	24,650	29,800	20.9%	14.4%	31/05/21	35,100	+17.8%
MBB*	05/02/21	2 / 3	39,400	27,000	9.1%	130.6%	11/06/21	44,000	+62.9%
SBT*	02/11/20	1 / 2	18,500	22,200	20.0%	11.1%	08/02/21	24,000	+8.1%
ACB*	28/09/20	1 / 2	22,500	27,400	27.5%	26.7%	05/02/21	36,350	+32.7%
VPB*	28/09/20	1 / 2	22,800	27,400	20.2%	62.3%	05/02/21	40,000	+46.0%
MBB*	28/09/20	1 / 3	17,087	20,000	17.0%	44.8%	05/02/21	27,000	+35.0%
MWG*	31/07/20	1 / 3	73,470	123,000	67.4%	74.9%	08/02/21	154,500	+25.6%
PNJ*	31/07/20	1 / 2	51,000	74,200	45.5%	58.6%	08/02/21	86,000	+15.9%

(*): các cổ phiếu đã từng đạt giá mục tiêu của lần khuyến nghị hiện tại.

Lần khuyến nghị 1 là khuyến nghị lần đầu. Lần 2,3,...,n là các khuyến nghị điều chỉnh giá mục tiêu.

Tổng mức biến động được tính từ khi ra khuyến nghị lần đầu cho tới hiện tại.



FACTSET DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG NGÀY HÔM TRƯỚC

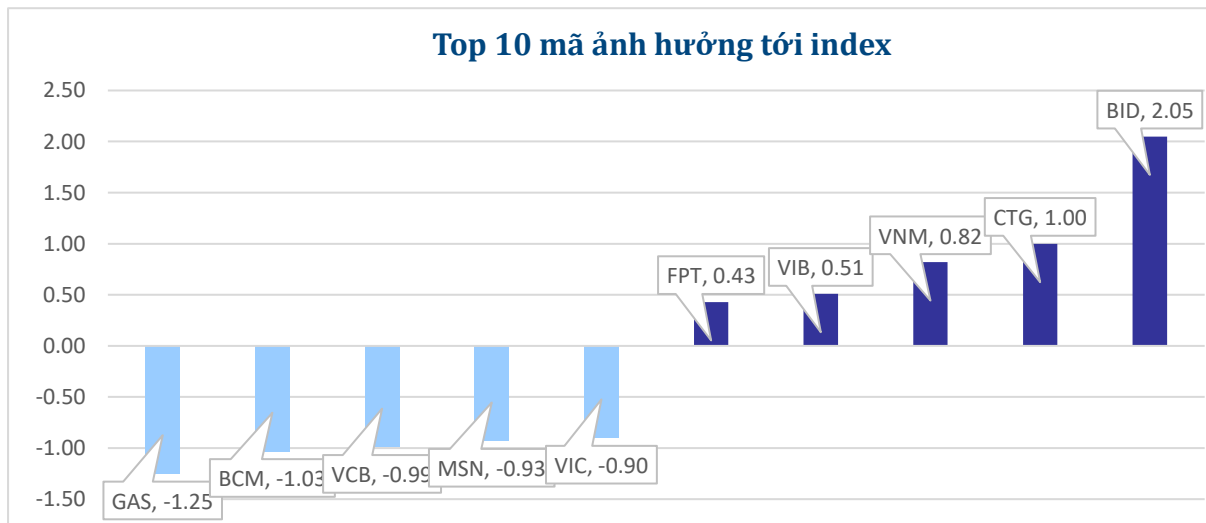
BIẾN ĐỘNG NGÀY

Chỉ số	Điểm số	Biến động	Điểm	Khối lượng GD (triệu CP)	Giá trị GD (tỷ đồng)	Số mã tăng	Số mã không đổi	Số mã giảm
VN - Index	1,198.90	0.11%	1.30	534.06	11,418.8	210	61	243
Vn30 - Index	1,252.24	0.27%	3.32	131.96	4,249.4	18	2	10
Vn - Mid	1,581.94	0.76%	12.00	196.10	4,614.6	38	9	23
VN - Small	1,424.66	0.13%	1.80	83.65	1,428.2	81	19	114
HNX - Index	278.88	0.43%	1.20	73.86	1,277.0	79	48	216
Upcom - Index	88.18	-0.46%	-0.40	64.75	878.7	137	83	204

THANH KHOẢN NGÀY

Sàn	Giá trị giao dịch (tỷ đồng)	Thay đổi so với phiên trước	Khối lượng giao dịch (triệu CP)	Thay đổi so với phiên trước
HSX	11,418.80	0.81%	534.06	4.67%
HNX	1,277.00	13.06%	73.86	25.29%

CỔ PHIẾU NỔI BẬT TRONG NGÀY

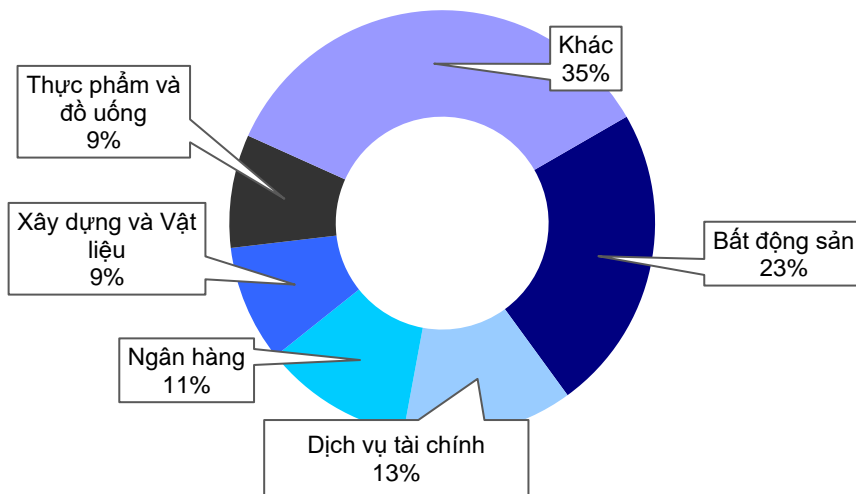


Top KLGĐ (triệu cổ phiếu)	Top GTGD (tỷ đồng)	Đột biến khối lượng (%KL/KL10 phiên)	Top tăng điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)	Top giảm điểm với thanh khoản cao (>10 tỷ)
VND 35.63	VND 627.4	BID 216%	HUT 7.2%	DPG -7.0%
HAG 23.58	DIG 371.4	DPG 209%	HAG 7.0%	SBT -5.1%
STB 16.87	STB 357.6	BAF 172%	VCI 7.0%	ITA -4.1%
POW 15.65	HPG 335.3	HAG 169%	VND 6.9%	DGC -3.9%
SSI 15.53	SSI 293.2	VCB 150%	HCM 6.9%	DCM -3.8%

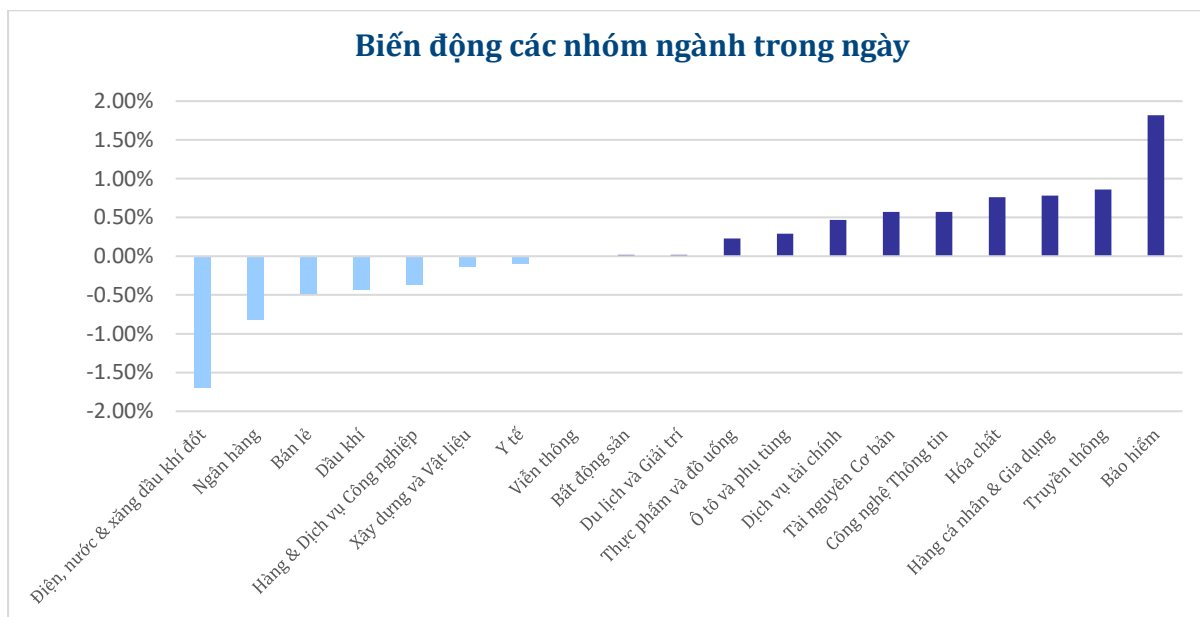


NHÓM NGÀNH

Thanh khoản ngành trong ngày



Biến động các nhóm ngành trong ngày

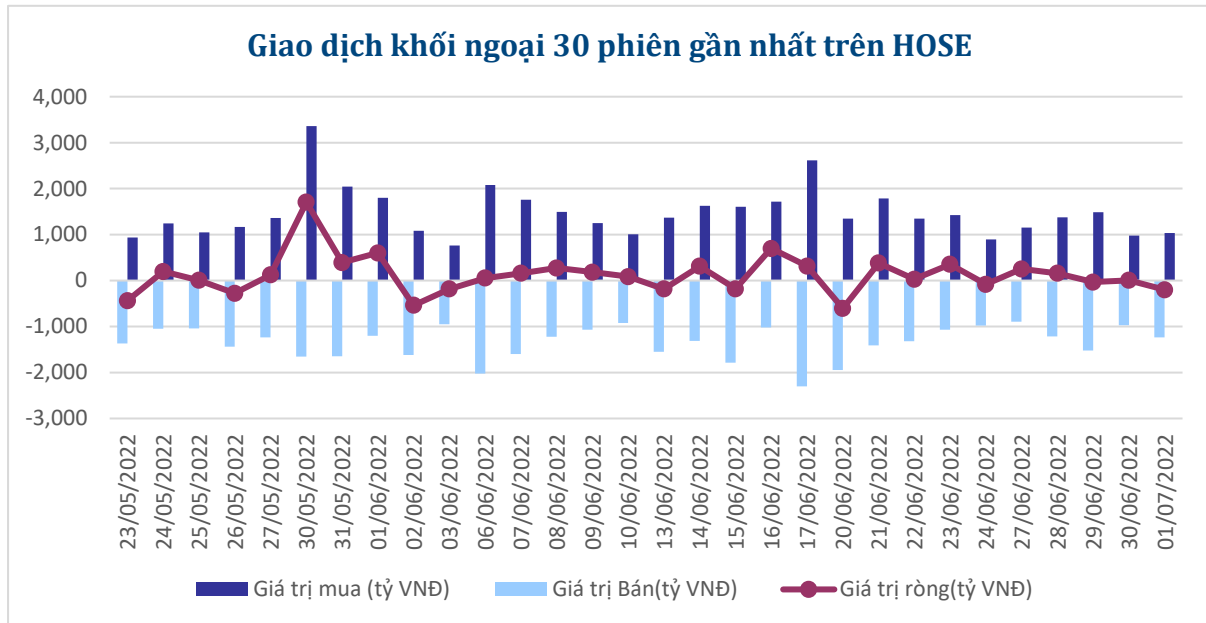




GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

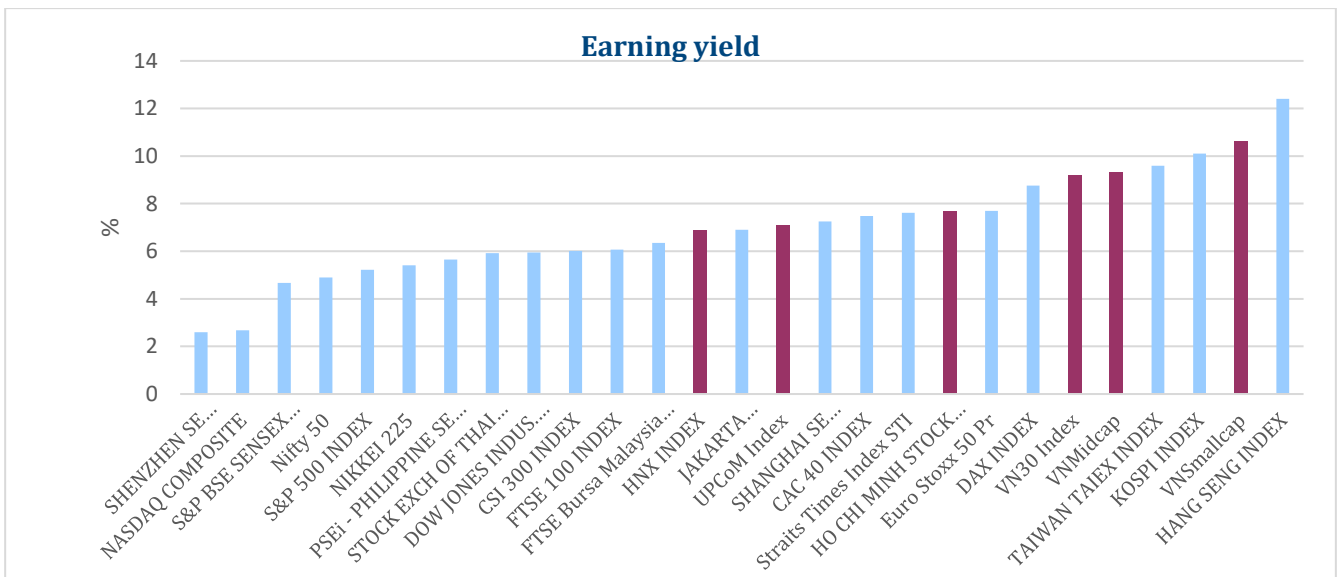
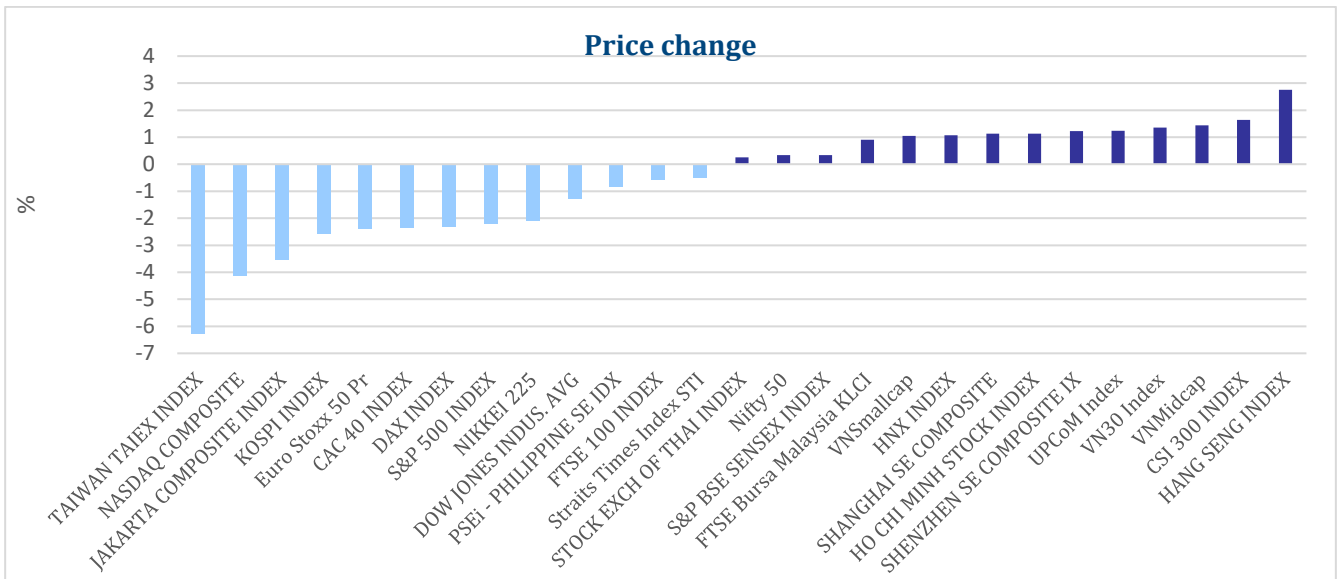
Trên HOSE bán ròng 201.49 tỷ đồng còn trên HNX bán ròng 50.85 tỷ đồng.

Top CP mua ròng	Giá trị mua ròng (tỷ đồng)	Top CP bán ròng	Giá trị bán ròng (tỷ đồng)
FUEVFNVD	77.13	VPB	167.56
VND	41.88	VCB	52.04
VNM	30.56	VIC	48.89
HDB	26.58	GAS	40.46
NLG	20.55	VHM	29.70

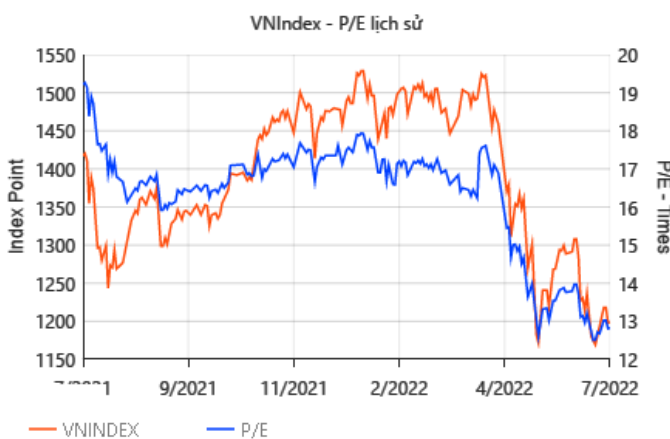




BIẾN ĐỘNG CỦA CÁC CHỈ SỐ CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU TRONG TUẦN

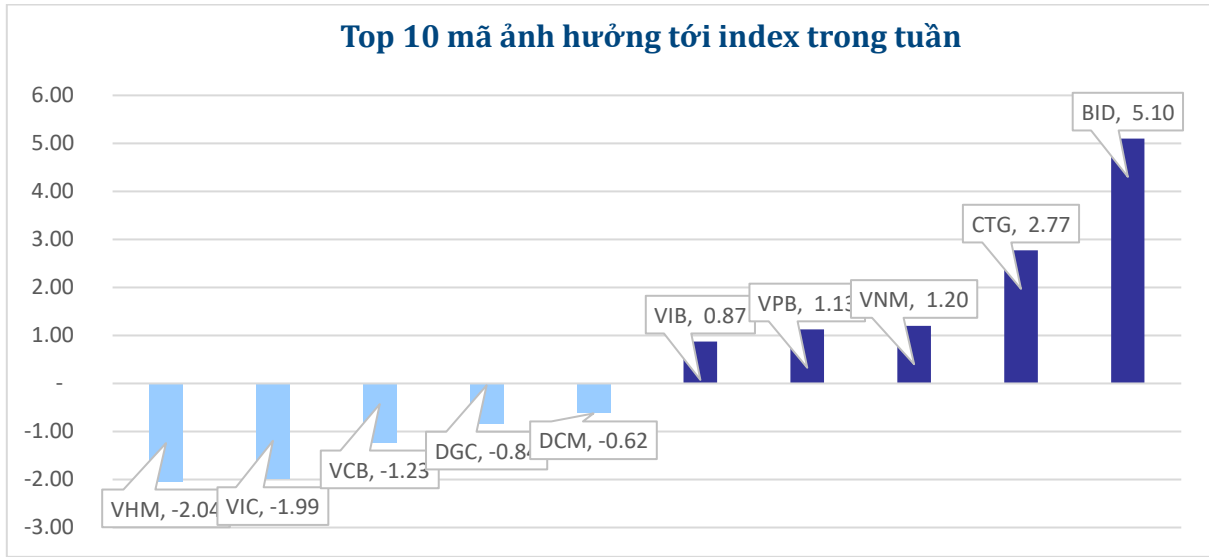


ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG (P/E lịch sử 12 tháng gần nhất)



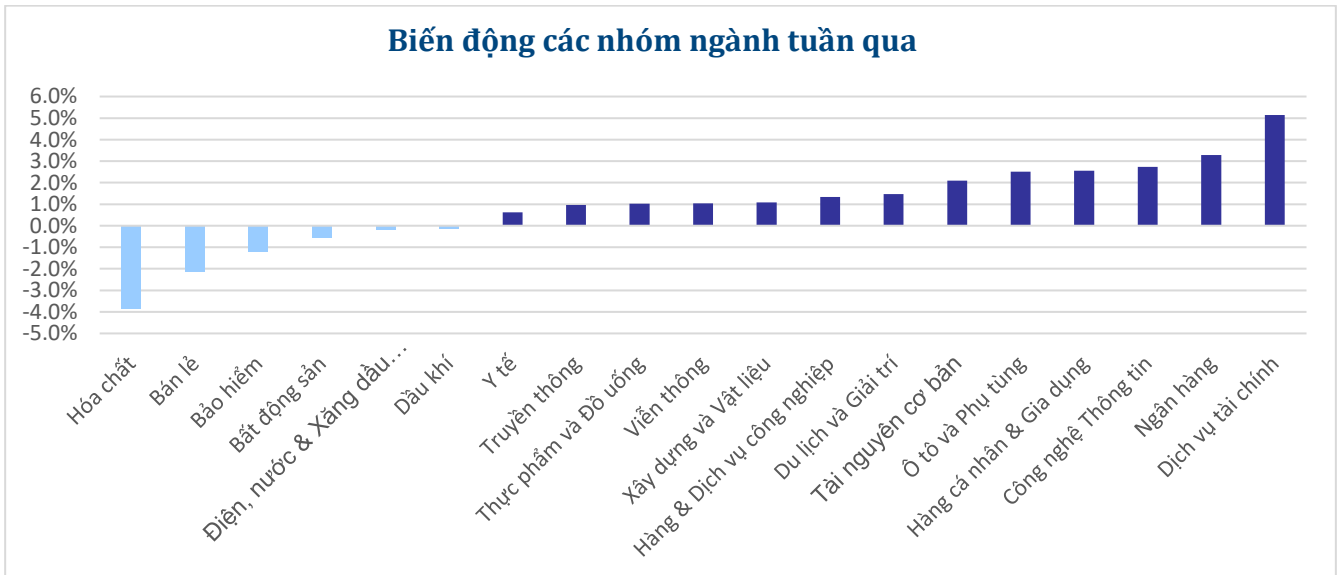


CỔ PHIẾU NỔI BẬT TUẦN QUA



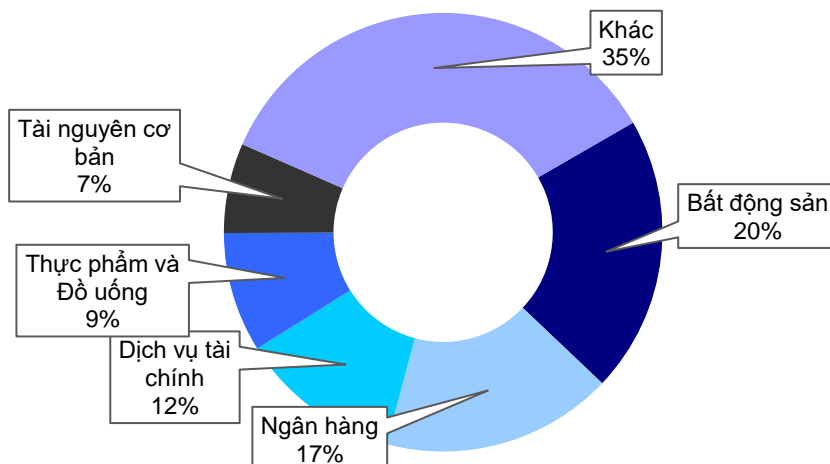
Top KLGD (triệu cp/phiên)		Top GTGD (tỷ đồng/phiên)		Đột biến khối lượng (KLtuan/KL3thang) đv: lần		Top tăng điểm với thanh khoản cao		Top giảm điểm với thanh khoản cao	
VND	29.5	VND	536.9	VND	1.92x	FLC	25.3%	ITA	-17.9%
HPG	18.8	HPG	421.4	GEG	1.86x	OGC	23.0%	PAT	-17.7%
STB	16.8	STB	370.4	LPB	1.76x	FTS	19.1%	DCM	-12.5%
HAG	16.6	BSR	364.0	ORS	1.71x	VOS	16.3%	ANV	-9.5%
POW	14.3	DIG	325.9	VOS	1.71x	BII	15.8%	DGC	-8.6%

NHÓM NGÀNH TRONG TUẦN





Đóng góp thanh khoản trong tuần

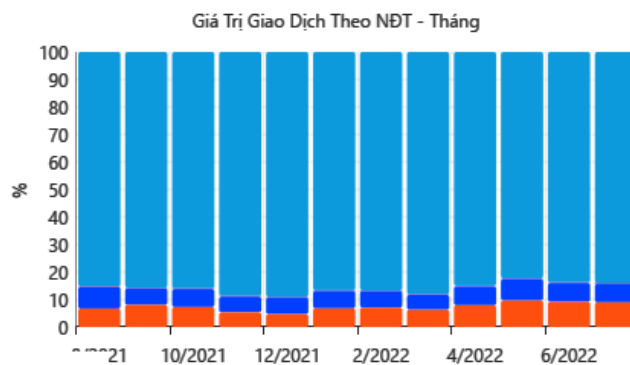
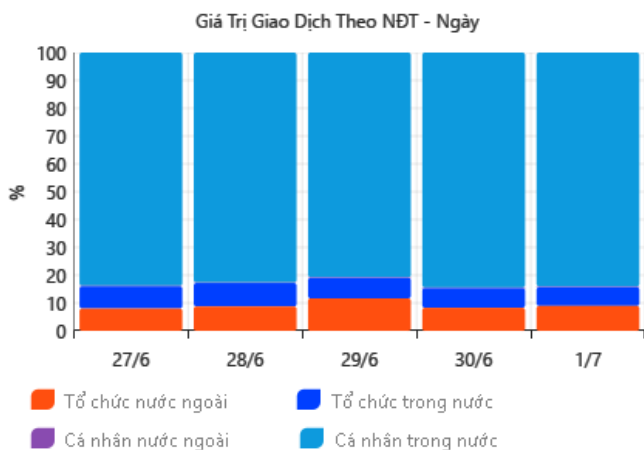


DÒNG TIỀN TRÊN THỊ TRƯỜNG

GIAO DỊCH THEO NHÀ ĐẦU TƯ

Top giao dịch của Cá nhân			Top giao dịch của Tổ chức		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
VND	8.14%	5,032.6	FPT	2.92%	1,493.7
NVL	0.54%	4,209.8	MWG	-2.23%	1,487.7
HPG	2.75%	3,588.7	NVL	0.54%	1,078.9
STB	3.77%	3,412.9	VHM	-2.85%	851.3
DIG	4.14%	3,203.7	FUEVFN	0.75%	778.2

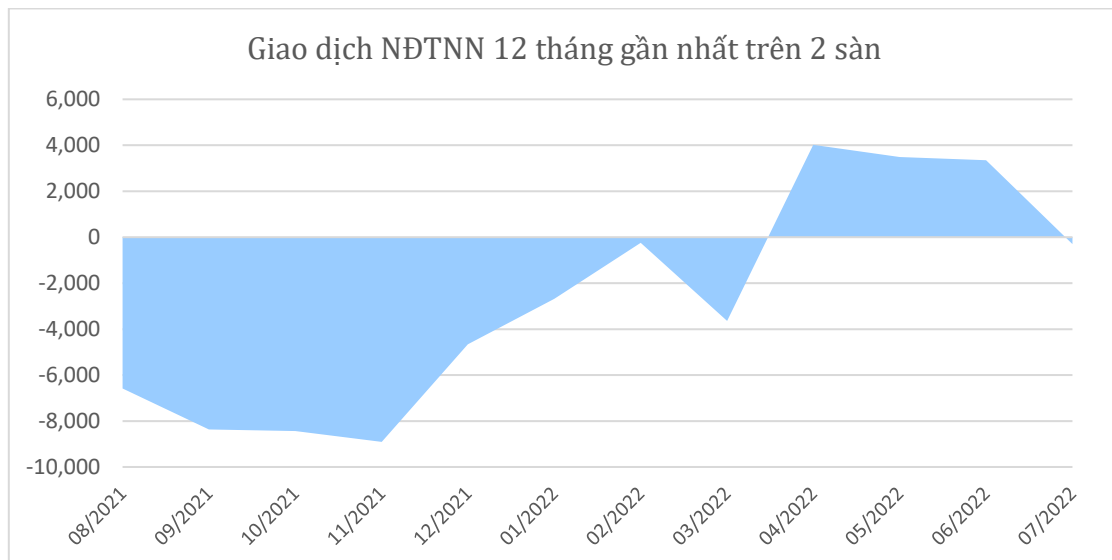
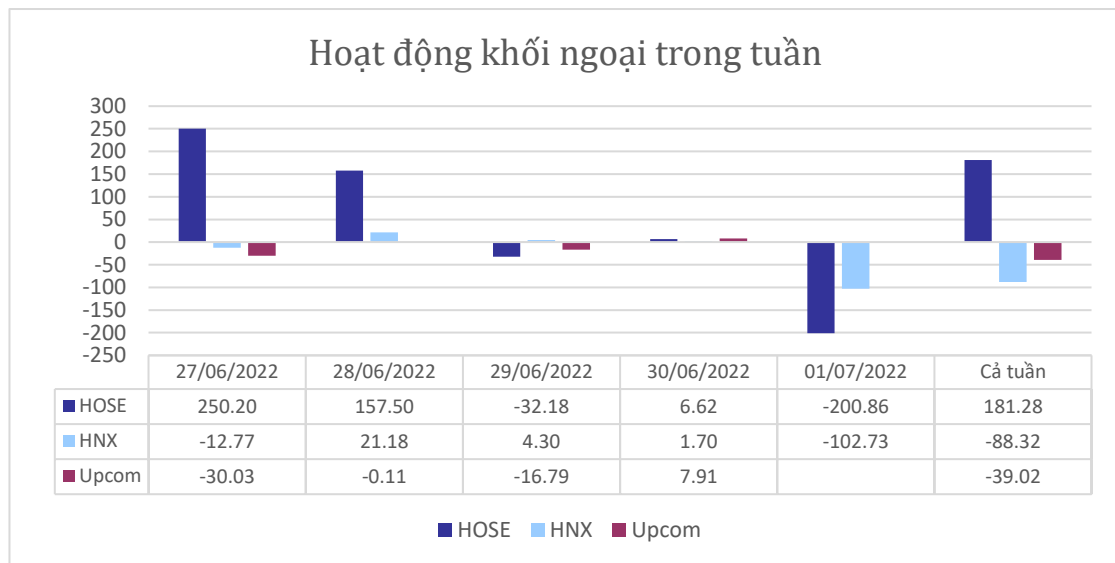
Tỷ trọng giao dịch





KHỐI NGOẠI

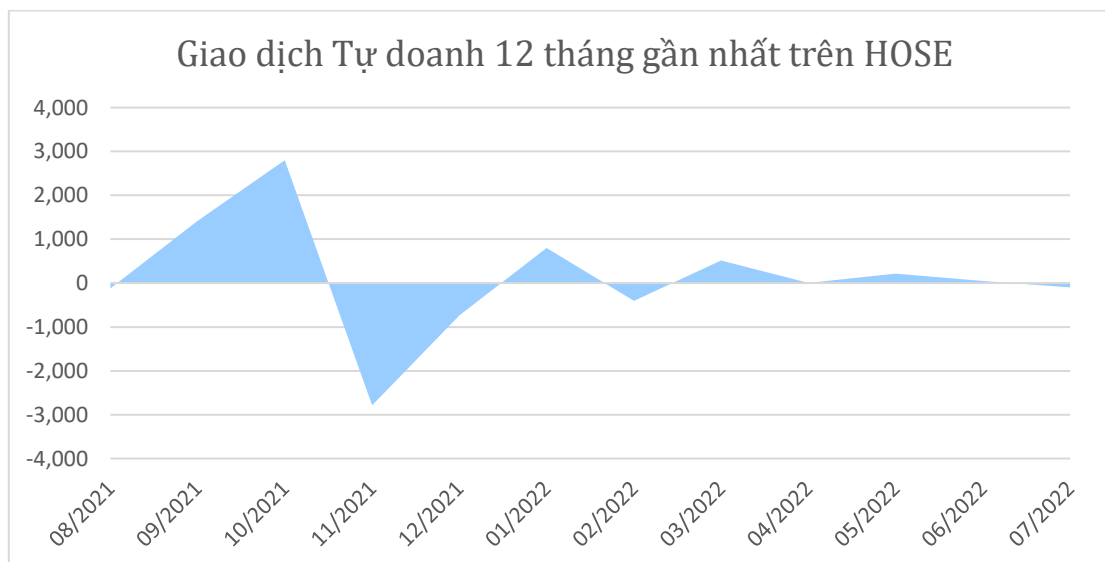
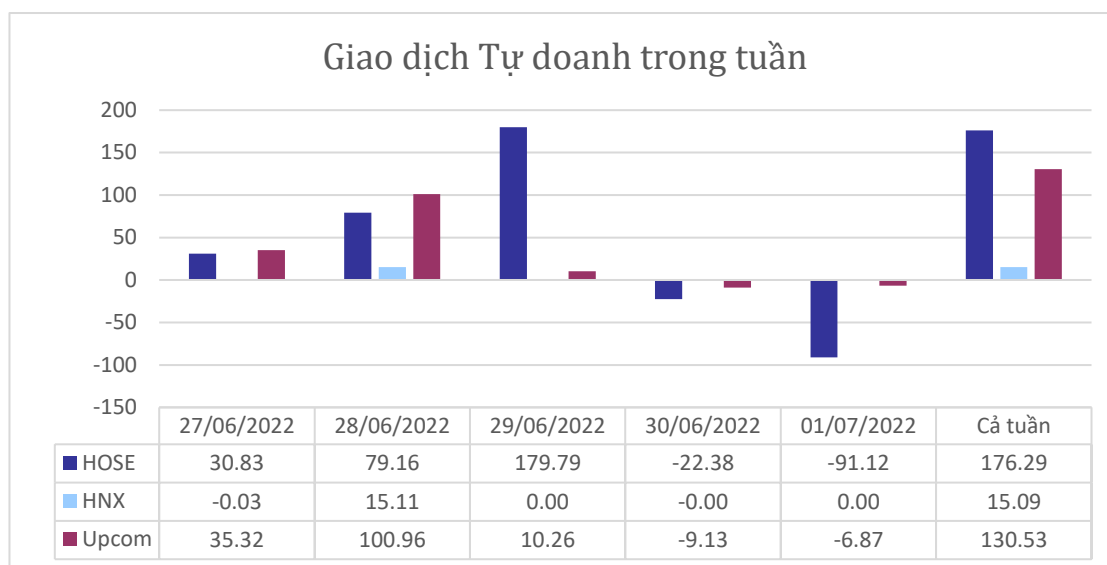
Top khối ngoại mua ròng			Top khối ngoại bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
CTG	8.89%	234.45	NVL	0.54%	191.39
VND	8.14%	164.66	DGC	-8.65%	191.14
MSN	0.00%	146.52	VPB	3.37%	167.70
GEX	4.47%	117.71	HPG	2.75%	161.98
STB	3.77%	107.51	VNM	3.08%	152.94





KHOẢNG TỰ DOANH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

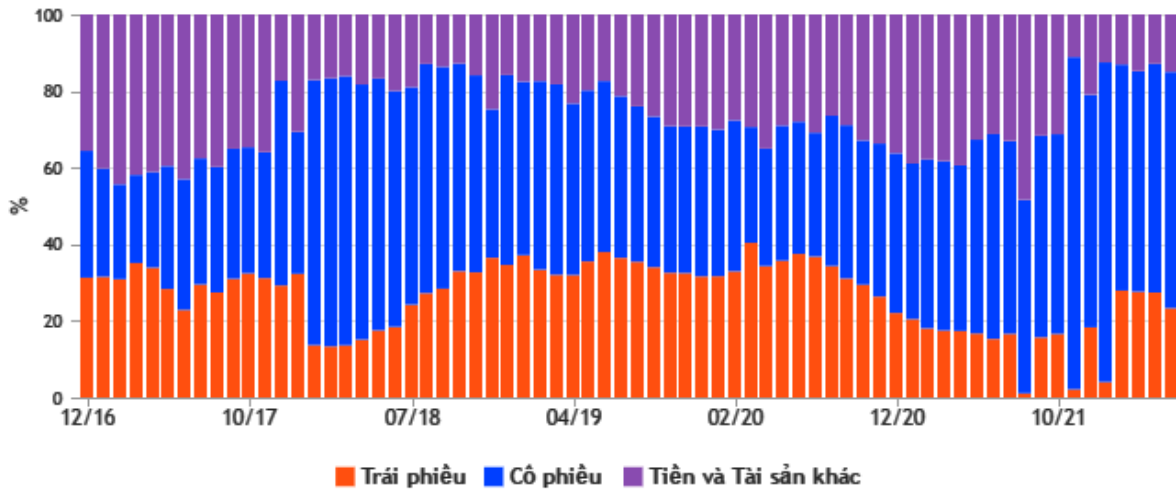
Top Tự doanh Mua ròng			Top Tự doanh Bán ròng		
Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Thay đổi 1w	Giá trị (tỷ đồng)
EIB	3.02%	207.61	FUEVFNVD	0.75%	215.92
GEX	4.47%	115.80	VIC	-2.68%	54.06
FPT	2.92%	55.01	VCB	-1.33%	25.09
KDH	1.04%	50.90	GAS	-0.88%	23.80
MWG	-2.23%	45.42	FUESSVFL	2.04%	22.29



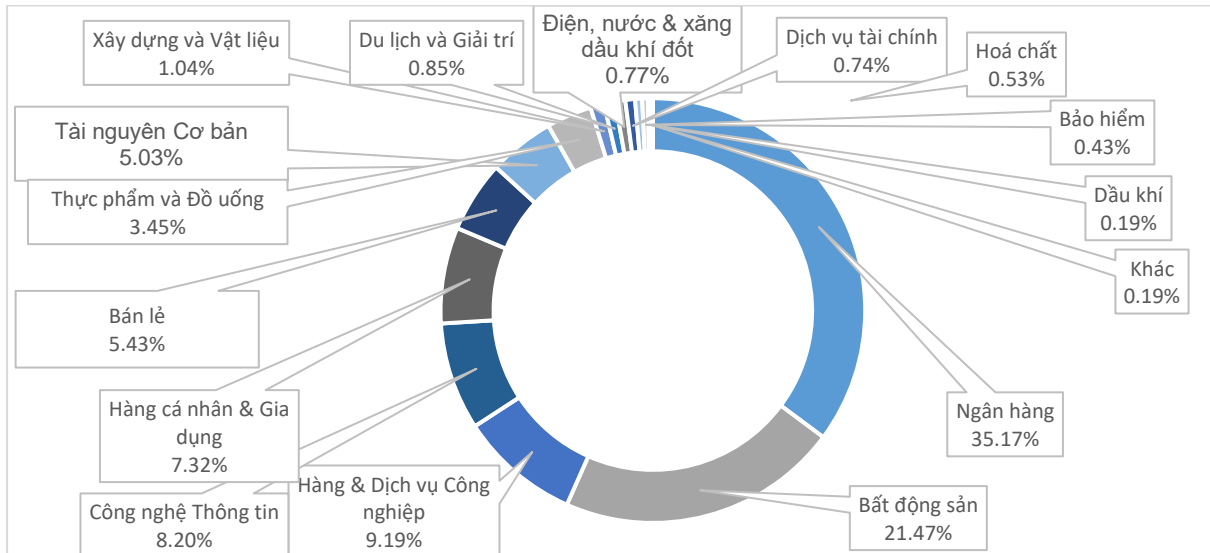


TỔ CHỨC (do finrpo platform theo dõi)

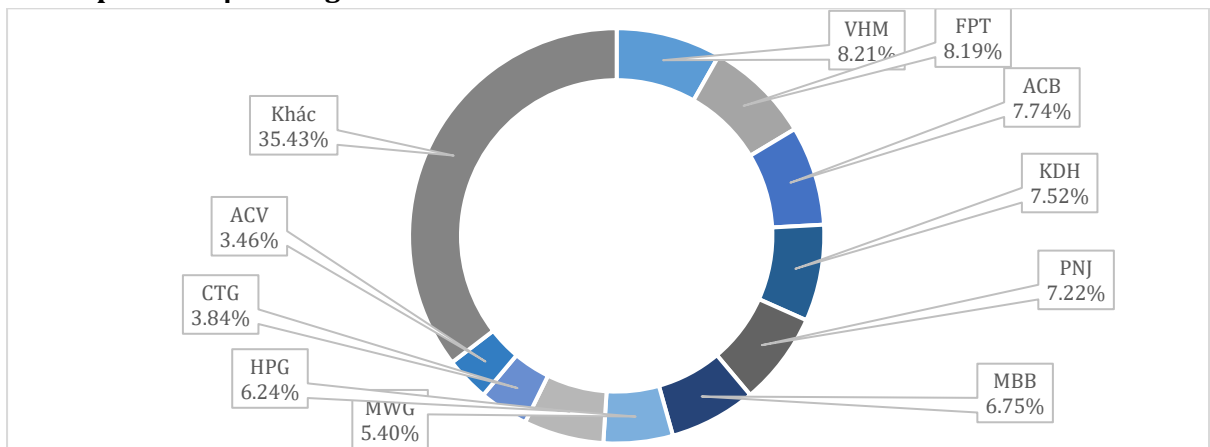
Phân bổ tài sản



Phân bổ các khoản đầu tư theo ngành



Các cổ phiếu được nắm giữ nhiều nhất





LỊCH SỰ KIẾN TUẦN TỚI

MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIẾN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
SVT	HSX	Trả cổ tức năm tài chính 2021 (tỷ lệ 100:30)	04/07/22	05/07/22	04/07/22
SGS	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	04/07/22	05/07/22	04/07/22
GAS	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (3.000 đ/cp)	04/07/22	05/07/22	03/10/22
KDH	HSX	Trả cổ tức năm 2021 (tỷ lệ 100:10)	04/07/22	05/07/22	04/07/22
SAV	HSX	Giao dịch 2.343.208 cp niêm yết bổ sung			04/07/22
DXS	HSX	Niêm yết bổ sung 53.728.905 cp		04/07/22	04/07/22
MSN	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2022 (800 đ/cp)	04/07/22	05/07/22	13/07/22
SHT	HNX	Hủy niêm yết 1.340 trái phiếu			04/07/22
SHT	HNX	Hủy niêm yết 1.000 trái phiếu			04/07/22
TOP	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2022	05/07/22	06/07/22	05/07/22
FRT	HSX	Niêm yết bổ sung 39.490.743 cp		05/07/22	05/07/22
DCM	HSX	Thanh toán cổ tức năm 2021 (1.800 đ/cp)	05/07/22	06/07/22	26/07/22
HAM	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (600đ/cp)	05/07/22	06/07/22	27/07/22
NVL	HSX	Niêm yết bổ sung 54.145 cp		05/07/22	05/07/22
IDJ	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 13%)	05/07/22	06/07/22	05/07/22
TSC	HSX	Giao dịch 49.210.841 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			05/07/22
BAB	HNX	Trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 8%)	05/07/22	06/07/22	05/07/22
PSH	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (750 đ/cp)	05/07/22	06/07/22	05/08/22
FTS	HSX	Giao dịch 2.074.200 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			05/07/22
AMC	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	05/07/22	06/07/22	05/07/22
DAR	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	05/07/22	05/07/22	05/07/22
VID	HSX	Chi trả cổ tức năm tài chính 2021 (tỷ lệ 100:15)	05/07/22	06/07/22	05/07/22
VIF	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (649 đ/cp)	05/07/22	06/07/22	29/07/22
HDG	HSX	Trả cổ tức đợt 2 năm 2021 (tỷ lệ 100:20)	06/07/22	07/07/22	06/07/22
NHH	HSX	Giao dịch 36.440.000 cp niêm yết bổ sung (chia 2 đợt)			06/07/22
NVL	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	06/07/22	07/07/22	06/07/22
MLC	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.300đ/cp)	06/07/22	07/07/22	28/07/22
SBH	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2.500đ/cp)	06/07/22	07/07/22	29/07/22
DAN	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2022	06/07/22	07/07/22	06/07/22
VNM	HSX	Thanh toán cổ tức còn lại 2021 và tạm ứng cổ tức đợt 1/2022 (2.450 đ/cp)	06/07/22	07/07/22	19/08/22
SHP	HSX	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.000 đ/cp)	06/07/22	07/07/22	13/07/22
TCM	HSX	Giao dịch 10.686.319 cp niêm yết bổ sung			07/07/22
TCD	HSX	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	07/07/22	08/07/22	07/07/22
TNC	HSX	Chi trả cổ tức năm 2021 (2.000 đ/cp)	07/07/22	08/07/22	25/07/22
BMJ	Upcom	Giao dịch 74.999.978 cổ phiếu niêm yết bổ sung	07/07/22	07/07/22	07/07/22
TLT	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	07/07/22	08/07/22	08/08/22
CTB	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.500 đ/cp)	07/07/22	08/07/22	12/08/22
DZM	HNX	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/07/22	08/07/22	07/07/22
TCJ	Upcom	Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022	07/07/22	08/07/22	07/07/22
VAF	HSX	Chi trả cổ tức còn lại năm 2021 (150 đ/cp)	07/07/22	08/07/22	26/07/22
THG	HSX	Niêm yết bổ sung 3.992.587 cp		05/07/22	07/07/22
PMW	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1.000đ/cp)	07/07/22	08/07/22	26/07/22



MÃ CK	SÀN	NỘI DUNG SỰ KIỆN	NGÀY GD KHQ	NGÀY ĐK CC	NGÀY THỰC HIỆN
CNG	HSX	Chi trả cổ tức đợt 1 năm 2021 (1.000 đ/cp)	07/07/22	08/07/22	05/08/22
VTP	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	08/07/22	11/07/22	08/07/22
ACM	HNX	Hủy niêm yết 51.000.000 cổ phiếu			08/07/22
PXS	Upcom	Giao dịch 60.000.000 cổ phiếu đăng ký giao dịch	08/07/22	08/07/22	08/07/22
DXS	HSX	Giao dịch 53.728.905 cp niêm yết bổ sung			08/07/22
TED	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	08/07/22	11/07/22	08/07/22
DT4	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	08/07/22	08/07/22	08/07/22
DBH	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu	08/07/22	08/07/22	08/07/22
VPG	HSX	Giao dịch 7.290.408 cp niêm yết bổ sung		28/06/22	08/07/22
HNT	Upcom	Hủy ĐKGD cổ phiếu của Công ty	08/07/22	08/07/22	08/07/22
DGC	HSX	Giao dịch 200.161.517 cp niêm yết bổ sung			08/07/22
HCM	HSX	ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2021	08/07/22	11/07/22	08/08/22



XẾP HẠNG CỔ PHIẾU

Chỉ số tham chiếu: VN – Index.

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Khuyến nghị	Định nghĩa
Mua	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng $\geq 15\%$ Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Tích lũy	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ 5% đến 15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -5% đến 5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng trung lập
Giảm tỷ trọng	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng từ -15% to -5% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực
Bán	Tỷ suất lợi nhuận kỳ vọng nhỏ hơn -15% Hoặc công ty/ngành có triển vọng kém tích cực

XẾP HẠNG NGÀNH

Chỉ số tham chiếu: VN – Index

Kỳ hạn đầu tư: 6 đến 18 tháng

Xếp loại	Định nghĩa
Vượt trội	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index lớn hơn 5% Hoặc triển vọng ngành tích cực
Trung lập	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index từ -5% đến 5% Hoặc triển vọng ngành trung lập
Kém hiệu quả	Tỷ suất lợi nhuận trung bình ngành so với VN-Index nhỏ hơn -5% Hoặc triển vọng ngành kém tích cực

KHUYẾN CÁO

Các nhận định trong báo cáo này phản ánh quan điểm riêng của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này về mã chứng khoán hoặc tổ chức phát hành. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo và không nên xem báo cáo này là nội dung tư vấn đầu tư chứng khoán khi đưa ra quyết định đầu tư và Nhà đầu tư phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại nào là hệ quả phát sinh từ hoặc liên quan tới việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào được đề cập trong bản báo cáo này.

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nhận được thù lao dựa trên các yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng và độ chính xác của nghiên cứu, phản hồi của khách hàng, yếu tố cạnh tranh và doanh thu của công ty. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và cán bộ, Tổng giám đốc, nhân viên có thể có một mối liên hệ đến bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này (hoặc trong bất kỳ khoản đầu tư nào có liên quan).

Chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này nỗ lực để chuẩn bị báo cáo trên cơ sở thông tin được cho là đáng tin cậy tại thời điểm công bố. Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam không tuyên bố hay cam đoan, bảo đảm về tính đầy đủ và chính xác của thông tin đó. Các quan điểm và ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện quan điểm của chuyên viên phân tích chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo tại thời điểm công bố và không được hiểu là quan điểm của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

Báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin cho các Nhà đầu tư bao gồm nhà đầu tư tổ chức và nhà đầu tư cá nhân của Guotai Junan Việt Nam tại Việt Nam và ở nước ngoài theo luật pháp và quy định có liên quan rõ ràng tại quốc gia nơi báo cáo này được phân phối và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua, bán hay nắm giữ chứng khoán cụ thể nào ở bất kỳ quốc gia nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng Nhà đầu tư. Nhà đầu tư hiểu rằng có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này.

Nội dung của báo cáo này, bao gồm nhưng không giới hạn nội dung khuyến cáo không phải là căn cứ để Nhà đầu tư hay một bên thứ ba yêu cầu Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam và/hoặc chuyên viên chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo này thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào với Nhà đầu tư hay một bên thứ ba liên quan đến quyết định đầu tư của Nhà đầu tư và/hoặc nội dung của báo cáo này.

Bản báo cáo này không được sao chép, xuất bản hoặc phân phối lại bởi bất kỳ đối tượng nào cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của đại diện có thẩm quyền của Công ty cổ phần chứng khoán Guotai Junan Việt Nam. Vui lòng dẫn nguồn khi trích dẫn.



GUOTAI JUNAN VIETNAM RESEARCH & INVESTMENT STRATEGY

Thành viên	Vị trí	Phụ trách	Email	Ext.
Võ Thế Vinh	Trưởng phòng	Phân tích & Chiến lược Đầu tư	vinhvt@gtjas.com.vn	701
Đỗ Trung Nguyên	Phó phòng	Chiến lược đầu tư	nguyendt@gtjas.com.vn	702
Trần Thị Hồng Nhung	Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Ngân hàng	nhungth@gtjas.com.vn	703
Đinh Quang Đạt	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Tiêu dùng	datdq@gtjas.com.vn	222
Phí Công Linh	Chuyên viên Cao cấp Phân tích Doanh nghiệp	Ngành Bất Động sản	linhpc@gtjas.com.vn	704
Trần Thị Diệu Khánh	Trợ lý Phân tích	Biên – Phiên dịch	khanhttd@gtjas.com.vn	705



LIÊN HỆ	TRỤ SỞ CHÍNH HÀ NỘI	CHI NHÁNH TP. HCM
Điện thoại tư vấn: (024) 35.730.073	P9-10, Tầng 1, Chamvit Tower	Lầu 4, Số 2 BIS, Công Trường Quốc Tế, P. 6, Q. 3, Tp.HCM
Điện thoại đặt lệnh: (024) 35.779.999	Điện thoại: (024) 35.730.073	Điện thoại: (028) 38.239.966
Email: info@gtjas.com.vn Website: www.gtjai.com.vn	Fax: (024) 35.730.088	Fax: (028) 38.239.696